TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tuyết
2. Ông Huỳnh Minh Rảnh

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Quãng Thanh Trung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa****:* Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1979, có mặt.
Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1975, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày:

- *Về hôn nhân:* Năm 2003 anh và chị Nguyễn Thị Hồng T do quen biết nhau đã tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh vào năm 2004. Sau khi cưới nhau vợ

chồng về sinh sống tại ấp X, xã L. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong cách làm ăn và cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại hòa giải để hàn gắn, cùng nhau chăm lo cho gia đình nhưng không có kết quả. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân:* Anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

- *Về con chung:* Có 02 con tên Trần Kế V, sinh ngày 29/10/2005 và Trần Nguyễn Hồng C, sinh ngày 05/3/2013 hiện đang sống với chị T, theo nguyện vọng của các con muốn sống với anh thì anh nuôi, muốn sống với chị T thì chị T nuôi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 26/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Trần Văn C về quan hệ hôn nhân, về con, tài sản và nợ chung. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cự cãi nhau về chuyện tiền bạc, anh C tiêu xài tiền phung phí, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh C không nghe. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Đối với yêu cầu của anh C, chị có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị không đồng ý ly hôn với anh Trần Văn C.

- *Về con chung:* Có 02 con tên Trần Kế V, sinh ngày 29/10/2005 và Trần Nguyễn Hồng C, sinh ngày 05/3/2013 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự cùng đề ngày 26/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, em Trần Kế V và em Trần Nguyễn Hồng C cùng trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, 02 em có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Trần Văn C giữ nguyên yêu cầu giải quyết về hôn

nhân, con chung, cấp dưỡng, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị giữ nguyên yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, tài sản và nợ chung. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trần Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng ; về con chung tên Trần Kế V, sinh ngày 29/10/2005 và Trần Nguyễn Hồng C, sinh ngày 05/3/2013 giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Trần Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất:

- *Về con chung:* Có 02 con tên Trần Kế V, sinh ngày 29/10/2005 và Trần Nguyễn Hồng C, sinh ngày 05/3/2013 hiện đang sống với chị T. Các con có nguyện vọng sống chung với chị T.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung:* Anh C và chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

- *Về hôn nhân:* Anh C yêu cầu ly hôn với chị T; chị T không đồng ý ly hôn với anh C vì còn thương anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh C khởi kiện chị T yêu cầu ly hôn, nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung. Chị T không có yêu cầu phản tố nào khác.

Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị T có địa chỉ cư trú tại ấp X, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn C:

[3.1] Về hôn nhân: Anh C và chị T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2004. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh C và chị T đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của anh C và chị T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh C khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong cách làm ăn và cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại hòa giải để hàn gắn, cùng nhau chăm lo cho gia đình nhưng không có kết quả.

Chị T khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cự cãi nhau về chuyện tiền bạc, anh C tiêu xài tiền phung phí, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh C không nghe.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa anh C và chị T chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; khi mâu thuẫn xảy ra anh chị không tự giải quyết được, không đồng thuận để cùng nhau góp ý, xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vì vậy anh chị đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị có thời gian suy nghĩ để hàn gắn lại với nhau, tuy nhiên anh C vẫn cương quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh C và chị T chung sống với nhau có 02 con tên Trần Kế V, sinh ngày 29/10/2005 và Trần Nguyễn Hồng C, sinh ngày 05/3/2013 hiện đang sống với chị T. Các con có nguyện vọng sống chung với chị T; anh C yêu cầu theo nguyện vọng của các con; chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của con. Tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định *"...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con…".* Do đó Hội đồng xét xử giao quyền trực tiếp nuôi con cho chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không không có tranh chấp nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh C phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Kế V, sinh ngày 29/10/2005 và Trần Nguyễn Hồng C, sinh ngày 05/3/2013.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia

đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Văn C phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng anh C đã nộp theo biên lai số 0000634 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Yên